

Bản án số: 41/2024/HNGĐ-ST

Ngày 09-5-2024

“V/v Ly hôn giữa bà T và ông T1”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đức Hoài và bà Trần Thị Mộng Lành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mau - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2004, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp M, xã T A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc T1, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp M, xã T A, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án, bà Nguyễn Thị Bích T trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị Bích T (Gọi tắt là bà T) và ông Huỳnh Ngọc T1 (Gọi tắt là ông T1) chung sống với nhau vào năm 2002 được gia đình tổ chức đám cưới theo

phong tục tập quán nhưng cho đến nay vẫn chưa thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cự cãi bất hòa, không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do ông T1 là con trai út nên không lo làm ăn để phát triển kinh tế gia đình phó mặc mọi việc trong nhà để bà T tự lo liệu một mình. Ngoài ra ông T1 còn có thái độ lạnh nhạt với vợ con. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng bốn năm. Đến nay nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông T1.

Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có hai con chung tên Huỳnh Ngọc T2, sinh ngày 13/5/2003 và Huỳnh Ngọc T3, sinh ngày 19/02/2006. Hiện tại các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Bà T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Bà T xác định vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà T tiếp tục xin ly hôn với ông T1 và giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình làm việc tại Tòa án.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa - bị đơn ông Huỳnh Ngọc T1 vắng mặt không có yêu cầu phản tố và không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bích T.

Kết quả thu thập chứng cứ: Nguyên đơn cung cấp đơn xác nhận chưa đăng ký kết hôn; giấy khai sinh của con chung của vợ chồng, bản sao căn cước công dân, bản tự khai. Bị đơn không cung cấp chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều

39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Quan hệ pháp luật: Bà T xin ly hôn với ông T1 nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn”.

Ông Huỳnh Ngọc T1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tiếp tục vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Tòa án bà T xác định bà và ông T1 chung sống với nhau vào năm 2002 cho đến nay chưa thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, trong “Đơn xác nhận chưa đăng ký kết hôn” ngày 23/11/2023 của bà T được Ủy ban nhân dân xã Tây Yên A, huyện An Biên xác nhận tình trạng hôn nhân như sau: “Qua tra cứu sổ lưu đăng ký kết hôn tại UBND xã Tây Yên A không có thông tin đăng ký kết hôn của công dân Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 20/8/1980 và Huỳnh Ngọc T1, sinh năm 1984”. Do bà T và ông T1 không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của ông bà không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ vào Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, qua thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông T1.

Về con chung: Bà T và ông Tạng chung sống có hai người con chung tên Huỳnh Ngọc T2, sinh ngày 13/5/2003 và Huỳnh Ngọc T3, sinh ngày 19/02/2006. Hiện tại các con chung của ông bà đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét đến trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không ai có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án, buộc bà T là nguyên đơn chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Bích T và ông Huỳnh Ngọc T1.

2. Về con chung: Các con chung của ông bà là Huỳnh Ngọc T2, sinh ngày 13/5/2003 và Huỳnh Ngọc T3, sinh ngày 19/02/2006, hiện tại đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không xem xét đến trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không ai có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bích T có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009157 ngày 15/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Bà Nguyễn Thị Bích T đã nộp đủ án phí.

6. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 09/5/2024, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự" ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu, HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm